TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **498**/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận T, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc C, sinh năm 1991.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ thường trú: 717 Lô Y Đường B, Phường M, Quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quốc C và bà Trần Thị Kim N (Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2012, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T cấp ngày 17/12/2012).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Lê Quốc C và bà Trần Thị Kim N xác nhận có một con chung tên Lê Ngọc Thiên K, sinh ngày 09/8/2014. Hai bên thỏa thuận, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Lê Quốc C và bà Trần Thị Kim N xác nhận không có.

2.3. Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), ông C tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035938 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông C được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPH;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Kiều